

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2024/DS-PT

Ngày: 03-5-2024

“V/v tranh chấp dân sự-
vay tài sản;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng;
Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh;
Bà Kiều Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp dân sự-vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2024/QĐ-PT ngày 28/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thanh T, sinh ngày 17/11/1978.

Căn cước công dân số: 087078021623, cấp ngày 05/9/2022.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Hà Thanh P, sinh ngày 08/8/1981.

Căn cước công dân số: 087081013084, cấp ngày 09/8/2021.

2.2. **Võ Thị Ngọc L**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: **Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện theo ủy quyền của anh **P**, chị **L** là ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1963. Địa chỉ: 13/26, **đường số A, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.** Văn bản ủy quyền số 185 ngày 16/4/2024.

- Người kháng cáo: anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L.**

(Anh **T**, anh **H**, anh **P** có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh **Huỳnh Thanh T** là nguyên đơn trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên anh **Huỳnh Thanh T** có cho anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L** vay nhiều lần tiền, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận. Đến ngày 10/6/2022, anh **T** cùng với vợ chồng anh **P** và chị **L** chốt lại số tiền còn nợ là 1.850.000.000 đồng. Đồng thời, anh **P** và chị **L** có viết biên nhận xác nhận nợ anh **T** số tiền là 1.850.000.000 đồng. Phía sau tờ biên nhận vợ chồng anh **P** và chị **L** có tự viết xác nhận với nội dung như trên. Biên nhận do chị **L** viết và có đủ chữ ký của vợ chồng anh **P**, chị **L**.

Khi vợ chồng anh **P**, chị **L** gặp khó khăn thì tìm đến anh **T** để vay mượn, hứa hẹn sau khi bán đất được thì sẽ trả cho anh **T**. Anh **T** thấy tình hình kinh tế khó khăn nên cũng cố gắng chờ đợi cho đến nay. Nhưng cho đến nay anh **P** và chị **L** không bán đất được nên chưa trả tiền vốn và lãi cho anh **T**.

Tại phiên tòa, anh **Huỳnh Thanh T** yêu cầu anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L** liên đới trả cho anh **T** số tiền còn nợ là 1.850.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/6/2022 với mức lãi suất là 1,5%/tháng đến khi anh **P** và chị **L** trả hết số tiền còn nợ cho anh **T**.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh **Hà Thanh P** là bị đơn trình bày như sau:

Anh **Hà Thanh P** thừa nhận do là chỗ quen biết nên anh **P** và vợ là chị **Võ Thị Ngọc L** có vay của anh **Huỳnh Thanh T** nhiều lần tiền. Mỗi lần vay tiền anh **T** đều có

ghi vào sổ do anh Trà giữ. Do tin tưởng nên ngày 10/6/2022 anh T thông báo với anh P, chị L số tiền còn nợ là 1.850.000.000 đồng thì anh P, chị L làm xác nhận nợ chứ hai bên chưa đối chiếu lại số tiền còn nợ với nhau. Anh P thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận về việc cho mượn tiền ngày 10/6/2022 do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký và chữ viết của anh P, chị L.

Trong quá trình vay mượn tiền với nhau thì anh P đã trả cho anh T được một số tiền nhưng anh không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu và trả vào ngày tháng năm nào. Đồng thời, anh P xác định việc anh P trả tiền cho anh T nói trên được thực hiện trước ngày 10/6/2022 (ngày xác nhận nợ). Sau ngày 10/6/2022, anh P và chị L vẫn chưa thanh toán được cho anh T.

Tại phiên tòa, anh P thống nhất vợ chồng anh còn nợ anh T số tiền vốn vay là 1.850.000.000 đồng. Anh P đồng ý trả cho anh T số tiền vốn vay còn nợ là 1.850.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi cho anh T theo mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 10/6/2022 cho đến khi trả xong khoản tiền nợ.

Bị đơn chị Võ Thị Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L.

3. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Thanh T.

Buộc anh Hà Thanh P và chị Võ Thị Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Thanh T số tiền vay còn nợ là 2.377.250.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và tuyên về thời hạn kháng cáo.

4. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Hà Thanh P và chị Võ Thị Ngọc L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bản án sơ

thẩm theo hướng vợ chồng anh **P**, chị **L** chỉ thiếu anh **T** số tiền 1.230.000.000 đồng.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn. Đồng ý tính lãi cho bị đơn mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày hai bên chốt nợ (10/6/2022).

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thay đổi yêu cầu kháng cáo theo hướng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 1.850.000.000 đồng nhưng yêu cầu nguyên đơn cung bớt phần lãi suất xuống còn 1% tháng kể từ khi hai bên chốt nợ (ngày 10/6/2022).

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn **Hà Thanh P** và **Võ Thị Ngọc L**. Ghi nhận sự tự thỏa thuận về vốn phải trả và lãi suất mức 1%/ tháng giữa hai bên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn số tiền vay và tiền lãi còn nợ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự- vay tài sản” là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án **T1** thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn **Huỳnh Thanh T** cùng đại diện theo ủy quyền của **Hà Thanh P** và **Võ Thị Ngọc L** thống nhất thỏa thuận:

- Số vốn phải trả là 1.850.000.000 đồng.

- Về phần lãi suất: Anh **Huỳnh Thanh T** đồng ý tính lãi suất phải trả của bị đơn với mức 1%/tháng tính từ ngày 10/6/2022 đến khi xét xử sơ thẩm và đến khi thi hành án xong theo yêu cầu của bị đơn. Lãi suất được tính như sau:

$1.850.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 351.500.000 \text{ đồng}.$

Như vậy vốn và lãi bị đơn **Hà Thanh P** và **Võ Thị Ngọc L** phải trả cho anh **Huỳnh Thanh T** là: $1.850.000.000 \text{ đồng} + 351.500.000 \text{ đồng} = 2.201.500.000 \text{ đồng}.$

Anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L** đồng ý trả tiếp số tiền lãi từ khi xét xử sơ thẩm đến khi thi hành xong với mức lãi suất 1%/tháng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa anh **Huỳnh Thanh T** với anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L** về số tiền vốn phải trả và lãi phát sinh. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh **P**, chị **L**, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo anh **P** và chị **L** được chấp nhận một phần nên sửa lại phần án phí dân sự. Về án phí phúc thẩm anh **P**, chị **L** không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Việc sửa án sơ thẩm do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận tại cấp phúc thẩm, không phải lỗi của Tòa án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với các viện dẫn trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 148, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L**;

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh **Huỳnh Thanh T** với anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L**, Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh;

* Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Huỳnh Thanh T**.

2/ Buộc anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L** có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Huỳnh Thanh T** số tiền vay còn nợ là 2.201.500.000 đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 1%/tháng.

3/ Về án phí:

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh **Huỳnh Thanh T** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 33.750.000 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004400 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Kim L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.030.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

* Về án phí phúc thẩm:

Anh **Hà Thanh P** và chị **Võ Thị Ngọc L** không phải chịu án phí phúc thẩm. Mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001191 và 0001192 ngày 01/2/2021 của Chi cục thi hành án huyện Cao Lãnh.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS H. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng